

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-02-2022.  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đào Thụy Phương Tâm.
2. Ông Bùi Tấn Dũng.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn B, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: khóm T, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Chị Đinh Thị G, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: khóm T, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.
3. *Người làm chứng:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1967. Địa chỉ cư trú: khóm T, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2021 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn anh Trần Văn B, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị G quen biết nhau từ năm 2003 đến năm 2006 thì chung sống với nhau nhưng không có tổ chức cưới, vì chị G đã từng có gia đình và ly hôn. Đến năm 2015 thì anh và chị G mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Sau đó, anh và chị G sống trên ghe một thời gian, không nhớ ngày tháng năm anh và chị G cất nhà ở mé sông sinh sống sau đó đất sạt lở nên di dời nhà như hiện nay. Sau đó, anh và chị G lên Bình Dương làm, hàng ngày anh đi làm thuê, chị G đi bán cá, cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Không nhớ ngày tháng năm do chị G đi uống rượu bia nhiều lần có nam, có nữ nên anh có la rầy, khuyên chị G về nghỉ ngơi mai còn buôn bán và lo cho hai đứa con nhưng chị G không nghe lời anh. Đêm 30 tháng 4 năm 2021 chị G đi bán cá đến 11 giờ khuya mới về nhà thì anh có cự cãi, la rầy chị G nên chị G đã bỏ đi cho đến nay. Anh không có đánh chị G, chỉ có nói “lần sau mà về khuya thì đi theo thằng nào thì đi, chứ đừng có về kiểu này hoài, tao không đồng ý” nên chị G dọn đi, anh có tìm chị G, khi mẹ vợ qua đời chị G cũng không về. Có lần con chung Phú T nói với anh là “mẹ và chú cá biển ở đây”, nghĩa là chị G và người đàn ông khác chung sống ở nhà trọ. Không nhớ ngày tháng năm 2021, anh nghe tin chị G đi nhà trọ với người đàn ông khác, anh và ông Lê Văn N có đến tìm nhưng chị G bỏ chạy, cũng không có trực tiếp chứng kiến chị G quan hệ tình cảm với người khác. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Anh và chị G không còn sống chung từ ngày 30 tháng 4 năm 2021 cho đến nay, không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, anh yêu cầu được ly hôn với vợ là chị Đinh Thị G.

2. Về việc nuôi con chung: Anh và chị G chung sống với nhau có hai con chung, con gái tên Trần Huyền T, sinh ngày 02/10/2010 và con trai tên Trần Phú T, sinh ngày 21/8/2014. Hiện hai con chung sống cùng anh từ ngày 30 tháng 4 năm 2021 cho đến nay. Chị G cũng không có về nhà hoặc gọi điện hỏi thăm hai con chung, cũng không có gởi tiền cho anh để nuôi dưỡng hai con chung. Anh chỉ biết chị G buôn bán cá ở chợ nhưng không biết thu nhập mỗi tháng được bao nhiêu tiền. Anh nuôi cá thuê cho người ta, thu nhập hàng tháng được 5.000.000đ đủ để anh nuôi dưỡng hai con chung. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Anh và chị G có cất 01 căn nhà cấp 4, diện tích chiều ngang 5m, chiều dài 20m, đất cất nhà là của mẹ ruột anh tên Ngô Thị T (đã chết) cho anh, tọa lạc tại khóm T, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT. Hiện anh và hai con chung đang quản lý, sử dụng nhà. Về tài sản chung anh và chị G tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh và chị G chung sống với nhau không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn chị Đinh Thị G đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ

luật Tố tụng dân sự nhưng chị G vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2021 người làm chứng ông Lê Văn N, trình bày: Ông là anh rể của chị G, anh em cột chèo với anh Trần Văn B, không có mâu thuẫn gì với hai bên. Không nhớ ngày tháng vào năm 2021 thì có người quen gọi điện báo là chị G cùng người bạn nữ ở nhà trọ với người đàn ông khác nên ông và anh B đến tìm mục đích để “bắt gian chị G với người đàn ông khác”, lúc đến nhà trọ thì chị G đã bỏ chạy, không có trực tiếp chứng kiến chị G có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Sau đó thì chị G bỏ nhà đi cho đến nay. Ngoài ra, không biết vợ chồng anh B còn có mâu thuẫn nào khác không. Nhà ông gần nhà anh B nên biết hiện hai con chung của anh B và chị G đang sống cùng anh B, hàng ngày do anh B chăm sóc, nuôi dưỡng, từ khi chị G bỏ đi ông không thấy chị G về nhà thăm hai con chung. Tài sản chung và nợ chung của anh B và chị G như thế nào thì ông không biết. Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Trần Văn B được ly hôn với chị Đinh Thị G. Về con chung: Giao hai con chung tên Trần Huyền T, sinh ngày 02/10/2010 và Trần Phú T, sinh ngày 21/8/2014 cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị G không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B không yêu cầu, tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Trần Văn B có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa anh với chị Đinh Thị G. Hiện chị G đang cư trú tại khóm T, thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Đinh Thị G và người làm chứng ông Lê Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng chị G, ông N vắng mặt, không có lý do và ông N đã có lời khai với Tòa án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị G, ông N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn B và chị Đinh Thị G được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 025, quyền số 01 ngày 17/3/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn B là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống anh B, chị G đã có mâu thuẫn với nhau là có thật. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho anh B, chị G đoàn tụ nhưng anh B vẫn cương quyết ly hôn, vì không còn tình cảm với chị G và vì chị G đã có tình cảm với người khác nên anh B, chị G không còn sống chung với nhau từ ngày 30/4/2021 cho đến nay, vợ chồng cũng không gặp nhau hàn gắn tình cảm. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/12/2021 người làm chứng ông Lê Văn N là anh rể của chị G, trình bày “Không nhớ ngày tháng vào năm 2021 thì có người quen gọi điện báo là chị G cùng người bạn nữ ở nhà trọ với người đàn ông khác nên ông và anh B đến tìm, mục đích để bắt gian chị G với người đàn ông khác, lúc đến nhà trọ thì chị G đã bỏ chạy, không có trực tiếp chứng kiến chị G có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Sau đó thì chị G bỏ nhà đi cho đến nay” và chị Đinh Thị G đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị G cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với anh B. Điều này, cho thấy hôn nhân giữa anh B, chị G không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc anh B yêu cầu ly hôn với chị G là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Trần Văn B được ly hôn với chị Đinh Thị G là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy con chung Trần Huyền T, sinh ngày 02/10/2010 và Trần Phú T, sinh ngày 21/8/2014 hiện đang sống ổn định cùng anh B từ ngày 30/4/2021 cho đến nay đã được đảm bảo về mọi mặt. Đồng thời, hai con chung Huyền T, Phú T đều có nguyện vọng được sinh sống cùng anh B và người làm chứng ông Lê Văn N trình bày “Nhà ông gần nhà anh B nên biết hiện hai con chung của anh B và chị G đang sống cùng anh B, hàng ngày do anh B chăm sóc, nuôi dưỡng, từ khi chị G bỏ đi ông không thấy chị G về nhà thăm hai con chung”. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao hai con chung Huyền T, Phú T cho anh B được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung và chị G không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị G lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị G theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về tài sản chung: Anh Trần Văn B trình bày, anh và chị G tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về nợ chung: Anh B trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh Trần Văn B chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0003754 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn B. Cho anh Trần Văn B được ly hôn với chị Đinh Thị G.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung Trần Huyền T, sinh ngày 02/10/2010 và con chung Trần Phú T, sinh ngày 21/8/2014 cho anh B được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Chị Đinh Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con do anh B tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị G lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị G.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn B chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0003754 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/02/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Thùy Dung**